

Bản án số: 01/2022/KDTM-ST

Ngày 16/3/2022

“ *V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng*”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN SÓC SƠN-THÀNH PHỐ HÀ NỘI

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Hằng.

Các Hội thẩm nhân dân : Bà Nguyễn Thị Xiển

Bà Nguyễn Thị Hữu

-Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hải Hà-Thư ký Tòa án nhân dân huyện Sóc Sơn.

-Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Sóc Sơn, thành phố Hà Nội tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Thúy-Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 3 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Sóc Sơn, thành phố Hà Nội xét xử sơ thẩm vụ án thụ lý số 29/2021/TLST-KDTM ngày 17 tháng 11 năm 2021 về việc “ Tranh chấp hợp đồng tín dụng”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 02/2022/QĐXXST-KDTM ngày 07 tháng 02 năm 2022 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP BDLV (LV B)

Địa chỉ : Tầng x Tòa nhà Thaiholdings, số y đường Tr Q Kh, phường Tr1 T, quận Hoàn Kiếm, Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Phạm Doãn S-Tổng Giám đốc

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Lê Anh T-Phó Tổng giám đốc kiêm Giám đốc khối Giám sát kinh doanh và xử lý nợ LV B (Theo Quyết định ủy quyền số 4871/2019/QĐ- LV B ngày 03/6/2019).

Người đại diện theo ủy quyền lại: Ông Tô Ngọc T-Chuyên viên Phòng xử

lý nợ phía Bắc LV B (Theo Giấy ủy quyền số 2063/2022/UQ-LV B ngày 11/3/2022).

Bị đơn : Công ty cổ phần thép N V

Địa chỉ: Số nhà a, quốc lộ b, Ph L, Sóc Sơn, Hà Nội

Người đại diện theo pháp luật: Ông Hoàng Ngọc L-Giám đốc Công ty.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

-Anh Lê Công L1 sinh năm 1976

-Chị Nguyễn Thị Ng, sinh năm 1977

Đều ở địa chỉ: thôn L Ph, xã T D, huyện Đông Anh, Hà Nội.

-Chị Lê Thị V, sinh năm 1988.

Địa chỉ: thôn X B, xã U N, huyện Đông Anh, Hà Nội.

-Anh Hoàng Ngọc L, sinh năm 1983

Địa chỉ: X L, xã Th Đ, thành phố Thái Nguyên, Thái Nguyên.

-Bà Phạm Thị S, sinh năm 1960

-Chị Lê Thị Kim L1 sinh năm 1985

-Anh Đoàn Thế A, sinh năm 1986

Đều ở địa chỉ: Đ V, L H, Đông Anh, Hà Nội.

Có mặt nguyên đơn, vắng mặt bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Tại đơn khởi kiện đề ngày 12/10/2021 và trong quá trình xét xử, nguyên đơn là ông Tô Ngọc T-người đại diện theo ủy quyền lại của Ngân hàng TMCP B Đ L V trình bày:

Ngày 20/6/2011, Ngân hàng TMCP B Đ L V (LV B)-chi nhánh Thăng Long và Công ty cổ phần thép N V (Công Ty N V) có ký Hợp đồng tín dụng số M111.11.002/HDTD-LienvietBnk với hạn mức tín dụng cho vay là 7.000.000.000đ, thời hạn vay 12 tháng, lãi suất cho vay tại thời điểm giải ngân là 22%/năm. Lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn. Mục đích sử dụng tiền vay để phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty. Tuy nhiên thực tế số tiền mà Ngân hàng giải ngân cho Công Ty N V là 6.980.000.000đ được thể hiện tại 06 khế ước nhận nợ. Cụ thể:

-Khế ước nhận nợ số M111.11.002-KU03/ LV B ngày 22/02/2012 với số

tiền: 1.000.000.000đ.

-Khế ước nhận nợ số M111.11.002-KU04/ LV B ngày 25/02/2012 với số tiền: 1.000.000.000đ.

-Khế ước nhận nợ số M111.11.002-KU05/ LV B ngày 29/02/2012 với số tiền: 1.000.000.000đ.

-Khế ước nhận nợ số M111.11.002-KU06/ LV B ngày 01/3/2012 với số tiền: 1.500.000.000đ.

-Khế ước nhận nợ số M111.11.002-KU07/ LV B ngày 02/3/2012 với số tiền: 1.480.000.000đ.

-Khế ước nhận nợ số M111.11.002-KU08/ LV B ngày 05/3/2012 với số tiền: 1.000.000.000đ.

Tài sản đảm bảo cho khoản vay trên gồm có:

-Quyền sử dụng đất tại thửa đất số 81, tờ bản đồ số 05 diện tích 630m² tại thôn Đ V, xã L H, huyện Đông Anh, Hà Nội theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số M 273966 do UBND huyện Đông Anh, thành phố Hà Nội cấp ngày 18/7/1998 cho hộ gia đình bà Nguyễn Thị B được đăng ký sang tên cho ông Hoàng Ngọc L ngày 06/12/2010 tại Văn phòng đăng ký đất và nhà huyện Đông Anh theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 00751 ngày 14/6/2011 tại Văn phòng công chứng ngọn lửa Việt, được đăng ký giao dịch bảo đảm tại Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất huyện Đông Anh ngày 16/6/2011.

-Quyền sử dụng đất tại thửa đất số 26, tờ bản đồ quy hoạch phân lô đấu giá đất kệt thôn L N diện tích 105,6m² tại thôn L N, xã T D, huyện Đông, Hà Nội theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BE 031207 do UBND huyện Đông Anh, thành phố Hà Nội cấp ngày 30/01/2011 cho ông Lê Công L theo Hợp đồng thế chấp số 00752 ngày 14/6/2011 tại Văn phòng công chứng ngọn lửa Việt được đăng ký giao dịch bảo đảm tại Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất huyện Đông Anh ngày 16/6/2011.

Quá trình thực hiện Hợp đồng tín dụng trên, Công Ty N V mới thanh toán trả được cho Ngân hàng số tiền gốc là 50.000.000đ, tiền lãi không thanh toán đồng nào.

Sau đó, Công Ty N V đã vi phạm nghĩa vụ hợp đồng, không thanh toán tiền

cho Ngân hàng và Ngân hàng đã chuyển toàn bộ khoản nợ của Công Ty N V sang nợ quá hạn.

Tạm tính đến ngày 16/3/2022, Công Ty N V còn nợ Ngân hàng tổng số tiền là: 30.122.954.089đ. Trong đó: Nợ gốc: 6.930.000.000đ; nợ lãi trong hạn: 150.348.018đ; nợ lãi quá hạn: 15.361.737.381đ và lãi phạt chậm trả: 7.680.868.690đ.

Tại phiên tòa, Ngân hàng xin rút yêu cầu đối với số tiền lãi phạt chậm trả là: 7.680.868.690đ, Ngân hàng không đề nghị Tòa án giải quyết. Do vậy, số tiền mà Công Ty N V phải có trách nhiệm trả cho ngân hàng tạm tính đến ngày 16/3/2022 là 22.442.085.399đ.

Tại phiên tòa Ngân hàng yêu cầu Công Ty N V phải có trách nhiệm thanh toán trả cho Ngân hàng toàn bộ số tiền nợ tạm tính đến ngày 16/3/2022 là 22.442.085.399đ. Đồng thời Công Ty N V còn phải tiếp tục trả số tiền lãi phát sinh trên số dư nợ gốc chưa trả kể từ ngày 17/3/2022 theo Hợp đồng tín dụng và các khế ước nhận nợ đã ký với Ngân hàng cho đến khi Công Ty N V thanh toán xong toàn bộ khoản vay cho Ngân hàng.

Trong trường hợp Công Ty N V không có khả năng trả nợ, Ngân hàng có quyền đề nghị Cơ quan thi hành án có thẩm quyền phát mại các tài sản đã thế chấp cho Ngân hàng để Ngân hàng thu hồi toàn bộ khoản nợ.

Toàn bộ số tiền thu được từ việc bán/xử lý tài sản bảo đảm được dùng để thanh toán nghĩa vụ trả nợ của Công Ty N V đối với Ngân hàng. Nếu số tiền thu được từ việc bán/xử lý tài sản bảo đảm không đủ thanh toán hết khoản nợ thì Công Ty N V vẫn phải có nghĩa vụ tiếp tục trả hết khoản nợ cho Ngân hàng.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 13/01/2022, bị đơn là Công ty cổ phần thép N V, do anh Hoàng Ngọc L là đại diện theo pháp luật của Công ty đồng thời cũng là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trình bày:

Công ty xác nhận về thời gian, nội dung của Hợp đồng tín dụng, số tiền vay và số tiền hiện Công ty còn nợ Ngân hàng như Ngân hàng đã trình bày. Nay Ngân hàng khởi kiện đề nghị Công ty phải có trách nhiệm trả toàn bộ số tiền nợ cho Ngân hàng, quan điểm của anh là do Công Ty N V hiện nay không còn hoạt động nên không có khả năng trả nợ cho Ngân hàng.

Về tài sản thế chấp: Anh đồng ý để Ngân hàng phát mãi tài sản mà anh đã thế chấp cho Ngân hàng là: Quyền sử dụng đất tại thửa đất số 81, tờ bản đồ số 05 diện tích 630m² tại thôn Đ V, xã L H, huyện Đông Anh, Hà Nội theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số M 273966 do UBND huyện Đông Anh, thành phố Hà Nội cấp ngày 18/7/1998 cho hộ gia đình bà Nguyễn Thị B được đăng ký sang tên cho anh là Hoàng Ngọc L ngày 06/12/2010 tại Văn phòng đăng ký đất và nhà huyện Đông Anh để Ngân hàng thu hồi khoản nợ. Đối với thửa đất này, sau khi mua của gia đình bà B, do không có nhu cầu sử dụng nên anh vẫn để cho gia đình bà B ở cho đến nay.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 14/12/2021 và đơn trình bày ngày 30/12/2021 người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là anh Lê Công L trình bày:

Nguồn gốc thửa đất số 26, tờ bản đồ số quy hoạch phân lô đấu giá đất kết thôn L N diện tích 105,6m² tại thôn L N, xã T D, huyện Đông Anh, Hà Nội là của anh mua năm 2011 sau khi vợ chồng anh ly hôn. Vợ anh là Nguyễn Thị Ng, vợ chồng anh ly hôn ngày 23/02/2010 tại Tòa án nhân dân huyện Đông Anh. Thửa đất đã được UBND huyện Đông Anh cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất ngày 30/01/2011 mang tên anh là Lê Công L.

Tháng 6/2011 anh có đứng ra thế chấp tài sản trên cho Ngân hàng TMCP B Đ L V để bảo lãnh cho khoản vay của Công ty cổ phần thép N V tại Ngân hàng. Hai bên có làm Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất tại Văn phòng công chứng nhưng anh không rõ, tại thời điểm thế chấp tài sản vợ chồng anh đã ly hôn nhưng Văn phòng công chứng vẫn yêu cầu cả chị Ng cùng ký vào hợp đồng thế chấp.

Nay Ngân hàng khởi kiện Công Ty N V có liên quan đến tài sản của anh đã thế chấp cho Ngân hàng, quan điểm của anh nếu trong trường hợp Công Ty N V không có khả năng trả nợ cho Ngân hàng thì anh sẽ có trách nhiệm trả cho Ngân hàng số tiền mà anh đã dùng tài sản thế chấp cho Ngân hàng để bảo lãnh cho khoản nợ gốc của Công Ty N V với số tiền là 1.995.840.000đ để xin giải chấp tài sản. Còn về số tiền lãi, anh đề nghị Ngân hàng miễn giảm cho anh.

Tại bản tự khai ngày 14/12/2021 và các lời khai tiếp theo người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Phạm Thị S trình bày:

Bà là con gái của cụ Nguyễn Thị B. Nguồn gốc thửa đất số 81, tờ bản đồ số

05 diện tích 620m² tại thôn Đ V, xã L H, huyện Đông Anh, Hà Nội là của mẹ bà là Nguyễn Thị B. Thửa đất này đã được UBND huyện Đông Anh cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 18/7/1998 cho hộ gia đình bà Nguyễn Thị B là mẹ của bà. Năm 2010, mẹ bà đã chuyển nhượng toàn bộ thửa đất trên cho anh Hoàng Ngọc L. Sau khi chuyển nhượng xong thì mẹ bà vẫn sinh sống trên thửa đất này đến năm 2015 thì mẹ bà mất. Sau khi mẹ bà mất thì bà và vợ chồng con gái bà là chị Lê Thị Kim Ly và anh Đoàn Thế A ở trên mảnh đất này. Quá trình ở thì bà có làm 01 gian nhà Ngng và công trình phụ trên đất.

Thửa đất trên, gia đình bà đã bán cho anh L nên việc anh L dùng tài sản thế chấp cho Ngân hàng để vay tiền như thế nào bà không nắm được và bà cũng không có ý kiến gì. Tuy nhiên nếu Ngân hàng phát mại tài sản này, bà đề nghị Ngân hàng cho gia đình bà mua lại.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là chị Lê Thị V (vợ của anh Hoàng Ngọc L tại thời điểm ký thế chấp tài sản): Tòa án đã báo gọi cũng như về địa phương nơi chị V cư trú nhưng chị V không có nhà, Tòa án đã gặp mẹ để chị V là bà Nguyễn Thị Hạnh được bà Hạnh cho biết: Chị V và anh Hoàng Ngọc L đã ly hôn năm 2014. Hiện chị V và hai con đang sống cùng bà tại Xóm Bãi, U N, Đông Anh, Hà Nội. Tòa án đã tổng đạt các thủ tục tố tụng cho chị V thông qua bà Hạnh. Tuy nhiên chị V không hợp tác nên Tòa án không tiến hành điều tra được về phía chị V.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là chị Nguyễn Thị Ng: Tòa án đã xác minh tại Công an xã T D, huyện Đông Anh, Hà Nội được biết: Chị Nguyễn Thị Ng có đăng ký HKTT tại thôn L Ph, xã T D, huyện Đông Anh, Hà Nội. Tuy nhiên hiện nay chị Ng không sinh sống ở địa chỉ trên, theo Công an xã nắm được thì chị Ng đang sinh sống ở nước Angola nhưng địa chỉ cụ thể thì Công an xã nắm được. Xác minh tại gia đình của chị Ng thì gia đình chị Ng cũng không biết địa chỉ cụ thể của chị Ng.

Tòa án đã xác minh tại Cục quản lý xuất nhập cảnh được biết: Trên dữ liệu Cục quản lý xuất nhập cảnh quản lý, có thông tin chị Nguyễn Thị Ng xuất nhập cảnh nhiều lần, lần cuối xuất cảnh ngày 05/9/2018 bằng hộ chiếu số C0322000 qua cửa khẩu Nội Bài, hiện chưa có thông tin nhập cảnh.

Do không xác minh được địa chỉ cụ thể của chị Ng nên Tòa án đã tiến hành niêm yết các thủ tục tố tụng đối với chị Ng tại nơi cư trú cuối cùng của chị Ng

theo quy định pháp luật.

Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

-Về việc T theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Thư ký Tòa án, Hội đồng xét xử và đương sự kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, nguyên đơn T theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không T theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

-Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ các Điều 471, 474, 476 Bộ luật dân sự năm 2005; khoản 3 Điều 90, khoản 2 Điều 91, Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng; Nghị định 163/2006/NĐ-CP ngày 29/12/2006 của Chính Phủ quy định về “ Giao dịch bảo đảm”; Nghị định số 11/2012/NĐ-CP ngày 22/02/2012 về sửa đổi bổ sung một số điều của Nghị định số 163/2006. Căn cứ Nghị quyết số 326/2016 của UBTWQH quy định về mức thu án phí và lệ phí Tòa án. Xử:

+Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP B Đ L V đối với Công ty cổ phần thép N V.

+Buộc Công Ty N V phải có trách nhiệm thanh toán trả cho Ngân hàng toàn bộ số tiền nợ gốc và lãi tạm tính đến ngày 16/3/2022 là 22.442.085.399đ. Đồng thời Công Ty N V phải tiếp tục trả tiền lãi phát sinh trên số dư nợ gốc chưa trả kể từ ngày 17/3/2022 theo Hợp đồng tín dụng và các khế ước nhận đã ký giữa các bên cho đến khi Công Ty N V thanh toán xong khoản nợ.

+Trong trường hợp Công Ty N V không có khả năng trả nợ hoặc trả nợ không đủ thì Ngân hàng có quyền đề nghị Cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền phát mại 02 tài sản đã thế chấp để Ngân hàng thu hồi toàn bộ số nợ.

-Về án phí: Công Ty N V phải chịu án phí theo quy định của pháp luật. Ngân hàng được hoàn lại tiền tạm ứng án phí đã nộp.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, Tòa án nhân dân huyện Sóc Sơn nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

-Về thẩm quyền: Ngân hàng TMCP B Đ L V (LV B) được Sở kế hoạch và đầu tư thành phố Hà Nội cấp giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ

phần, mã số doanh nghiệp: 6300048638, đăng ký lần đầu ngày 03/4/2008, đăng ký thay đổi lần thứ 19 ngày 21/01/2021, ngành nghề kinh doanh của LV B là kinh doanh tiền tệ, tín dụng và các hoạt động khác ghi trong điều lệ. Công ty cổ phần thép N V được Sở kế hoạch đầu tư Thành phố Hà Nội cấp giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp mã số 0102779515, đăng ký lần đầu ngày 14/4/2010. Do Công ty cổ phần thép N V vi phạm hợp đồng không thanh toán trả gốc và lãi đúng hạn theo như hợp đồng tín dụng đã ký kết giữa hai bên nên ngày 12/10/2021, LV B đã làm đơn khởi kiện Công Ty N V đến Tòa án nhân dân huyện Sóc Sơn. Căn cứ khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Tòa án nhân dân huyện Sóc Sơn thụ lý, giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền. Hợp đồng tín dụng số M111.11.002/HDTD- LienVietBnk ngày 20/6/2011 đáp ứng đủ điều kiện của chủ thể ký hợp đồng và nội dung phù hợp với quy định của pháp luật nên là hợp đồng tín dụng hợp pháp. Quan hệ pháp luật trong vụ án này là tranh chấp kinh doanh thương mại về hợp đồng tín dụng.

-Về sự vắng mặt của bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Quá trình điều tra bị đơn là Công ty thép Nam Việt và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là anh Hoàng Ngọc L, anh Lê Công L1 bà Phạm Thị S có đơn xin xét xử vắng mặt. Còn những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là chị Lê Thị V, chị Nguyễn Thị Ng, chị Lê Thị Kim Ly và anh Đoàn Thế A, Tòa án đã tiến hành tổng đạt các thủ tục tố tụng theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự nhưng tại phiên tòa hôm nay vắng mặt không rõ lý do. Căn cứ khoản 1, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt.

-Về việc rút một phần yêu cầu khởi kiện: Tại phiên tòa Ngân hàng đề nghị rút một phần yêu cầu khởi kiện về số tiền lãi phạt chậm trả của Hợp đồng tín dụng số M111.11.002/HDTD- LienVietBnk ngày 20/6/2011 tính đến ngày 16/3/2022 là: 7.680.868.690đ. Xét việc rút yêu cầu của Ngân hàng là hoàn toàn tự nguyện, phù hợp với quy định của pháp luật nên căn cứ khoản 2 Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử sẽ đình chỉ giải quyết.

[2] Về nội dung khởi kiện:

[2.1] Về số tiền nợ gốc, lãi theo hợp đồng tín dụng:

-Về số tiền nợ gốc và lãi: Căn cứ vào hồ sơ xin vay vốn của Công Ty N V và hồ sơ của người bảo lãnh nên LV B chi nhánh Thăng Long đã đồng ý cho Công Ty N V vay tiền để phục vụ việc kinh doanh của Công ty theo Hợp đồng

tín dụng số M111.11.002/HDTD- LienVietBnk ngày 20/6/2011, tổng hạn mức tín dụng mà Ngân hàng cấp cho Công Ty N V là 7.000.000.000đ, số tiền thực tế Ngân hàng giải ngân cho Công Ty N V là 6.980.000.000đ được thể hiện tại 06 khế ước nhận nợ.

Quá trình thực hiện hợp đồng, Công Ty N V đã thanh toán cho Ngân hàng được số tiền gốc là: 50.000.000đ, lãi không thanh toán đồng nào. Sau đó Công Ty N V đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ không trả gốc và lãi đúng hạn.

Tại mục 2 Điều 2 của Hợp đồng tín dụng và mục 5 của các Khế ước nhận nợ quy định về lãi suất cho vay tại thời điểm ký hợp đồng tín dụng là 22%/năm. Lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất cho vay trong hạn. Phương thức áp dụng lãi suất: Lãi suất áp dụng thả nổi theo lãi suất huy động tiết kiệm thường kỳ hạn 13 tháng, lãi trả cuối kỳ với định kỳ điều chỉnh 03 tháng/lần và được xác định theo công thức: Lãi cho vay = lãi tiết kiệm 13 tháng + biên độ 8,5%/năm.

Tại Điều 4 của Hợp đồng quy định về phương thức thanh toán nợ lãi, gốc và phí: Lãi được thanh toán vào ngày 25 hàng tháng, gốc thanh toán theo đúng thời hạn ghi trên từng khế ước nhận nợ.

Tại Điều 5 của Hợp đồng tín dụng quy định về điều chỉnh kỳ hạn nợ, gia hạn nợ và chuyển nợ quá hạn: Đến thời hạn trả nợ gốc và lãi nếu bên vay không trả nợ đúng hạn thì toàn bộ số dư các khoản nợ chuyển sang nợ quá hạn và bên vay phải chịu thêm lãi phạt quá hạn theo quy định tại khoản 1 Điều 4 của Hợp đồng trên khoản nợ gốc mà khách hàng không trả đúng hạn.

Xét việc thỏa thuận về tính lãi trong hạn, quá hạn của các bên trong hợp đồng tín dụng là phù hợp với quy định của pháp luật. Do đó cần chấp nhận số tiền lãi như ngân hàng đã giải trình lãi trong hạn còn nợ: 150.348.018đ và lãi quá hạn tạm tính đến ngày xét xử là: 15.361.737.381đ. Như vậy tổng số tiền nợ gốc và lãi mà Công Ty N V phải có trách nhiệm thanh toán trả cho Ngân hàng tính đến ngày xét xử là: 22.442.085.399đ.

-Về yêu cầu đề nghị Công Ty N V phải có trách nhiệm thanh toán khoản tiền lãi tiếp tục phát sinh trên số dư nợ gốc chưa trả kể từ ngày 17/3/2022 theo mức lãi suất đã thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng và trên khế ước nhận nợ cho đến khi Công Ty N V thanh toán xong khoản nợ: Căn cứ theo quy định tại Điều 13 của Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao quy định “ Đối với trường hợp chậm thực hiện

nghĩa vụ trong hợp đồng mà các bên có thỏa thuận về việc trả lãi thì quyết định kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận nhưng phải phù hợp với quy định của pháp luật”. Do vậy, thấy cần chấp nhận yêu cầu này của Ngân hàng.

[2.2]. Về yêu cầu xử lý tài sản bảo lãnh của Ngân hàng: Tại Điều 6 của Hợp đồng tín dụng số M111.11.002/HDTD- LienVietBnk ngày 20/6/2011 quy định biện pháp bảo đảm tiền vay là cho vay có bảo đảm bằng tài sản dưới hình thức thế chấp quyền sử dụng đất. Điều khoản này đã được các bên cụ thể hóa tại 02 Hợp đồng thế chấp như sau:

1. Theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 00751 ngày 14/6/2011, ông Hoàng Ngọc L và bà Lê Thị V đã đồng ý dùng tài sản của mình là: Quyền sử dụng đất tại thửa đất số 81, tờ bản đồ số 05 diện tích 630m² tại thôn Đ V, xã L H, huyện Đông Anh, Hà Nội theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số M 273966 do UBND huyện Đông Anh cấp ngày 18/7/1998 cho hộ bà Nguyễn Thị B được đăng ký sang tên cho ông Hoàng Ngọc L ngày 06/12/2010 tại Văn phòng đăng ký đất và nhà huyện Đông Anh để bảo lãnh thực hiện nghĩa vụ được bảo đảm Bo gồm các khoản gốc, lãi, phí, tiền phạt, tiền bồi thường thiệt hại và các nghĩa vụ tài chính khác với mức dư nợ tối đa là 5.953.500.000đ mà bên Ngân hàng cho Công Ty N V được vay trong thời hạn của Hợp đồng tín dụng và với các điều kiện về lãi suất tiền vay, quản lý tiền vay theo quy định của Ngân hàng.

2.Theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 00752 ngày 14/6/2011, ông Lê Công L và bà Nguyễn Thị Ng đã đồng ý dùng tài sản của mình là: Quyền sử dụng đất tại thửa đất số 26, tờ bản đồ số quy hoạch phân lô đấu giá đất kết thôn L N diện tích 105,6m² tại thôn L N, xã T D, huyện Đông Anh, Hà Nội theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BE 031207do UBND huyện Đông Anh cấp ngày 30/01/2011 cho ông Lê Công L để bảo lãnh thực hiện nghĩa vụ được bảo đảm Bo gồm các khoản gốc, lãi, phí, tiền phạt, tiền bồi thường thiệt hại và các nghĩa vụ tài chính khác với mức dư nợ tối đa là 1.995.840.000đ mà bên Ngân hàng cho Công Ty N V được vay trong thời hạn của Hợp đồng tín dụng và với các điều kiện về lãi suất tiền vay, quản lý tiền vay theo quy định của Ngân hàng.

Về thủ tục bảo lãnh đều được các bên lập hợp đồng và được phòng công chứng xác nhận, có đăng ký giao dịch bảo đảm tại Văn phòng đăng ký đất và nhà đúng theo quy định của pháp luật. Do vậy, tất cả các hợp đồng bảo lãnh trên đều hợp pháp, có hiệu lực thi hành đối với các bên nên cần chấp nhận yêu cầu của Ngân hàng về việc xử lý tài sản bảo đảm để thu hồi nợ theo hợp đồng tín dụng đã ký kết giữa các bên nếu bị đơn không trả nợ hoặc trả không đủ nợ. Nghĩa vụ bảo đảm của các chủ tài sản được chia kỹ phần tương ứng với tài sản bảo đảm.

Tòa án đã tiến hành xem xét, thẩm định đối với 02 tài sản thế chấp. Cụ thể:

-Đối với thửa đất số 81 đứng tên anh Hoàng Ngọc L, diện tích trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là 630m² nhưng qua kiểm tra hiện trạng thì diện tích thực tế sử dụng là 682,9m² (thừa 52,9m²). Trên đất có 01 căn nhà cấp 4 diện tích 43,3m² của cụ Nguyễn Thị B đã chuyển nhượng sang cho anh L. Còn 01 gian nhà cấp 4 lợp mái tôn diện tích 4,1m²; 01 căn nhà cấp 4 lợp tôn diện tích 22m², khu công trình phụ, sân gạch, tường Bo là do bà Phạm Thị S (con gái bà B làm)

-Đối với thửa đất số 26 đứng tên anh Lê Công L1 diện tích thực tế sử dụng phù hợp với diện tích trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là 105,6m². Trên đất hiện không xây dựng bất cứ tài sản gì.

Về phần diện tích đất thực tế của anh L sử dụng thừa so với giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Qua xác minh tại chính quyền địa phương được biết phần diện tích đất thừa này là do trong quá trình các hộ gia đình sử dụng chứ gia đình bà Nguyễn Thị B (chủ đất cũ) cũng như các hộ liền kề không có tranh chấp gì với nhau. Do vậy, khi tuyên phát mại Tòa án chỉ tuyên phát mại phần diện tích đất theo như trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mà UBND huyện Đông Anh đã cấp cho hộ gia đình bà Nguyễn Thị B được đăng ký sang tên cho anh Hoàng Ngọc L. Đối với phần tài sản mà gia đình bà Phạm Thị S làm, toàn bộ các tài sản này là của bà Sinh chứ không phải của anh L nên khi phát mại tài sản là quyền sử dụng đất có liên quan đến các tài sản tọa lạc trên đất thì bà Sinh sẽ được nhận số tiền tương ứng với trị giá tài sản khi phát mại.

[3]. Về án phí: Công Ty N V phải chịu án phí kinh doanh thương mại theo quy định của pháp luật. Ngân hàng được hoàn lại tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Sóc Sơn.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; khoản 1, khoản 3 Điều 228; khoản 2 Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Căn cứ các Điều 471,474,476 Bộ luật dân sự năm 2005.

Căn cứ khoản 3 Điều 90, khoản 2 Điều 91, Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng; Nghị định 163/2006/NĐ-CP ngày 29/12/2006 của Chính Phủ quy định về “ Giao dịch bảo đảm”; Nghị định số 11/2012/NĐ-CP ngày 22/02/2012 về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 163/2006/NĐ-CP ngày 29/12/2006 của Chính Phủ về giao dịch bảo đảm.

Căn cứ khoản 1 Điều 1 Thông tư số 12/2010/TT-NHNN ngày 14/4/2010 của Ngân hàng Nhà nước hướng dẫn tổ chức tín dụng cho vay bằng đồng Việt Nam đối với khách hàng theo lãi suất thỏa thuận; Khoản 1 Điều 11 Quy chế cho vay của Tổ chức tín dụng đối với khách hàng được Bn hành theo Quyết định số 1627/2001/QĐ-NHNN ngày 31/12/2001 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước được sửa đổi, bổ sung bằng Quyết định số 127/2005/QĐ-NHNN ngày 03/02/2005.

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy Bn thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1.Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng thương mại cổ phần B Đ L V đối với Công ty cổ phần thép N V.

Buộc Công ty cổ phần thép N V phải có trách nhiệm thanh toán trả cho Ngân hàng thương mại cổ phần B Đ L V tổng số tiền nợ gốc và lãi tạm tính đến ngày 16/3/2022 theo Hợp đồng tín dụng số M111.11.002/HDTD- LienVietBnk ngày 20/6/2011 với tổng số tiền là: **22.442.085.399đ** (Hai mươi hai tỷ bốn trăm bốn mươi hai triệu không trăm tám mươi lăm ngàn B trăm chín mươi chín đồng). Cụ thể:

+Nợ gốc: 6.930.000.000đ.

+Nợ lãi trong hạn : 150.348.018đ.

+Nợ lãi quá hạn: 15.361.737.381đ.

2. Buộc Công ty cổ phần thép N V phải chịu số tiền lãi tiếp tục phát sinh trên dư nợ gốc chưa trả kể từ ngày 17/3/2022 theo mức lãi suất thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng và trên các khế ước nhận nợ mà các bên đã ký kết cho đến khi Công Ty N V thanh toán hết khoản nợ.

3. Trong trường hợp Công ty cổ phần thép N V không trả đủ số nợ hoặc không có khả năng trả nợ, Ngân hàng có quyền yêu cầu Cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền phát mại 02 tài sản thế chấp để thu hồi toàn bộ số nợ. Cụ thể:

-Quyền sử dụng đất tại thửa đất số 26, tờ bản đồ số Quy hoạch phân lô đấu giá đất kết thôn L N diện tích 105,6m² tại thôn L N, xã T D, huyện Đông Anh, thành phố Hà Nội theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BE 031207 do UBND huyện Đông Anh, thành phố Hà Nội cấp ngày 30/01/2011 cho ông Lê Công L theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 00752 ngày 14/6/2011 tại Văn phòng công chứng ngọan lửa Việt. Tài sản này có nghĩa vụ bảo đảm cho khoản nợ gốc và lãi tạm tính đến ngày 16/3/2022 là: **16.892.157.680đ**. Trong đó: Nợ gốc: **5.216.211.000đ**; nợ lãi trong hạn: **113.166.953đ** và nợ lãi quá hạn: **11.562.779.727đ**.

-Quyền sử dụng đất tại thửa đất số 81, tờ bản đồ số 05 diện tích 630m² tại thôn Đ V, xã L H, huyện Đông Anh, Hà Nội theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số M 273966 do UBND huyện Đông Anh, thành phố Hà Nội cấp ngày 18/7/1998 cho hộ gia đình bà Nguyễn Thị B được đăng ký sang tên cho anh Hoàng Ngọc L ngày 06/12/2010 tại Văn phòng đăng ký đất và nhà huyện Đông Anh theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 00751 ngày 14/6/2011 tại Văn phòng công chứng ngọan lửa Việt. Tài sản này có nghĩa vụ bảo đảm cho khoản nợ gốc và lãi tạm tính đến ngày 16/3/2022 là: **5.549.927.719đ**. Trong đó: Nợ gốc: **1.713.789.000đ**; nợ lãi trong hạn: **37.181.065đ** và nợ lãi quá hạn: **3.798.957.654đ**.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành

án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 của Luật thi hành án dân sự.

4. Toàn bộ số tiền thu được từ việc bán/xử lý tài sản bảo đảm được dùng để thanh toán nghĩa vụ trả nợ của Công ty cổ phần thép N V đối với Ngân hàng. Nếu số tiền thu được từ việc bán/xử lý tài sản bảo đảm không đủ thanh toán hết khoản nợ thì Công ty cổ phần thép N V vẫn phải có nghĩa vụ tiếp tục trả hết khoản nợ cho Ngân hàng.

5. Đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng yêu cầu Công ty cổ phần thép N V phải trả số tiền lãi phạt chậm trả của Hợp đồng tín dụng số M111.11.002/HDTD-LienVietBnk ngày 20/6/2011 với số tiền là 7.680.868.690đ.

6. Về án phí: Công ty cổ phần thép N V phải nộp 130.442.085đ (Một trăm B mươi triệu bốn trăm bốn mươi hai ngàn không trăm tám mươi lăm đồng) án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm cho Nhà nước.

Ngân hàng thương mại cổ phần B Đ L V được hoàn trả số tiền 68.192.809đ (Sáu mươi tám triệu một trăm chín mươi hai ngàn tám trăm linh chín đồng) tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Sóc Sơn theo Biên lai số 0004461 ngày 15/11/2021.

Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm nguyên đơn được quyền kháng cáo. Bị đơn và Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Nơi nhận:

-TAHN

-VKSNDH.Sóc Sơn.

-Chi cục THADS H.Sóc Sơn.

-Các đương sự.

-Lưu HS,VP

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thị Thu Hằng